TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2020
V/v tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn K, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp "ly hôn, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thúy D, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện M, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Cao Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Bùi Thị Thúy D trình bày: Chị và anh Cao Thanh T do mai mối, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng không quan T gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, đến cách nay khoảng 01 năm thì mâu thuẫn trầm trọng nên chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng không còn chung

sống đến nay. Từ khi không còn chung sống, hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Cao Thanh T. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Cao Anh K, sinh ngày 10/7/2012 (hiện do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Cao Thanh T được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vắng mặt. Tuy nhiên, anh có nộp văn bản nêu ý kiến: Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị D về thề gian kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình, thời gian không cùng chung sống. Nay, đối với yêu cầu ly hôn của vợ (D), anh đồng ý. Về quan hệ con chung: Anh và chị D có 01 con chung tên Cao Anh K, sinh ngày 10/7/2012 (hiện do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh đồng ý để chị D được tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Bùi Thị Thúy D yêu cầu ly hôn với anh Cao Thanh T, anh T có nơi cư trú ấp Đ, xã H, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Cao Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ.

[3] Chị Bùi Thị Thúy D yêu cầu ly hôn với anh Cao Thanh T. Chị D và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị D trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, đến cách nay khoảng 01 năm thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Cao Thanh T. Anh Cao Thanh T trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của vợ (D) về thề gian kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình, thời gian không cùng chung sống. Nay, đối với yêu cầu ly hôn của vợ (D), anh đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết Tòa án đã tạo điều kiện để chị D, anh T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần, nhưng chị D, anh T không hàn gắn được và chị D yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T có văn bản nêu ý kiến, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Xét

thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị D, anh T xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Cao Anh K, sinh ngày 10/7/2012 (hiện do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh T đồng ý để chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung cùng mẹ. Xét thấy, khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con và sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của cháu.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị D, anh T trình bày, không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị D, anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thúy D đối với anh Cao Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Bùi Thị Thúy D và anh Cao Thanh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 85, ngày 11 tháng 5 năm 2012 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho chị Bùi Thị Thúy D và anh Cao Thanh T không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị Thúy D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Cao Anh K, sinh ngày 10/7/2012 (hiện do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng).

Chị Bùi Thị Thúy D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Cao Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Bùi Thị Thúy D và anh Cao Thanh T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì D và anh T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Bùi Thị Thúy D phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0008212 ngày 18/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị D đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư